

TRUNG ĐÔNG - LỊCH SỬ NHỮNG QUỐC GIA, NHỮNG NHÀ NƯỚC

Cao Văn Liên*

I. TỔNG QUAN ĐỊA LÝ, KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HOÁ TRUNG ĐÔNG

Trung Đông là khu vực tiếp giáp ba châu lục Á- Âu và Phi, nhưng phần lớn các nước thuộc châu Á và Bắc Phi, chỉ có Thổ Nhĩ Kỳ có một phần lãnh thổ thuộc châu Âu. Thời Trung đại (476-1640), người phương Tây gọi các nước ven bờ đông Địa Trung Hải là vùng Cận Đông vì vượt qua Địa Trung Hải là có thể đặt chân tới các nước Arập và Bắc Phi. Đây là con đường gần nhất để tới phương Đông. Sau này, danh từ Cận Đông trở thành một khái niệm quốc tế để chỉ khu vực này. Sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918), các nước châu Âu đưa ra danh từ Trung Đông để chỉ khu vực nằm giữa Thổ Nhĩ Kỳ và vùng Viễn Đông (bao gồm Apganixtan, Ấn Độ, Iran). Như vậy Trung Đông và Cận Đông là khái niệm địa lý để gọi hai khu vực lãnh thổ kề nhau và cùng tương đồng về văn hoá, kinh tế. Sau Đại chiến thế giới lần thứ hai (1939-1945), danh từ Trung Đông dùng để chỉ vùng lãnh thổ từ Nam Á đến Bắc Phi, được dùng thông dụng trong

ngôn ngữ chính trị quốc tế. Các nhà nghiên cứu và giảng dạy ở các học viện hay các trường đại học đã gọi tách rời Cận Đông hoặc Trung Đông để chỉ hai khu vực lãnh thổ liên kề. Trong cuốn “Lịch sử Trung- Cận Đông”, các tác giả biên soạn gọi là Trung- Cận- Đông để chỉ khu vực Trung Đông và Cận Đông¹. Trong các công trình đăng tải của mình, chúng tôi dùng khái niệm Trung Đông vì khu vực lãnh thổ này gần như nằm ở giữa phương Đông².

Trung Đông ngày nay bao gồm 16 quốc gia, diện tích hơn 9 triệu km² dân số khoảng 300 triệu người, bao gồm các tộc người thuộc Đại chủng Mônggôlôit, Tiểu chủng Nam Mônggôlôit, loại hình nhân chủng Nam Á. Riêng các tộc người trên lãnh thổ Iran là hậu duệ của người Aria thuộc Đại chủng Ôrôpôit, tiểu chủng Ôrôpôit phương Nam. Trung Đông có điều kiện địa lý vô cùng phong phú, đa dạng. Nét nổi bật là nhiều cao nguyên khô cằn với những vùng sa mạc. Nhưng cũng có những đồng bằng phì nhiêu màu mỡ nhờ những con sông. Sông Nin dài hơn 6800km với 700 km đi qua lãnh thổ Ai

* Phó giáo sư, Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền



Cập tạo nên đồng bằng Ai Cập. Sử gia Hi Lạp cổ đại Hêrôđôt đã viết không sai rằng "Ai Cập là quà tặng của sông Nin". Sông Tigơrơ dài 2000km, sông Oforát dài 2800 km từ Ácmênia đổ ra vịnh Ba Tư tạo nên đồng bằng Lưỡng Hà. Ngoài ra, còn một hệ thống sông nhỏ nhưng cực kỳ quan trọng cho nền kinh tế nông nghiệp và môi trường sinh sống như sông Gioócđan, sông Litani. Ngoài đồng bằng sông Nin, đồng bằng sông Lưỡng Hà, còn có vùng đất ven biển Địa Trung Hải cũng là đất đai trồng trọt. Rừng ở Trung Đông phát triển tươi tốt ven Hắc Hải và biển Caxpi. Cây chà là có bộ rễ lớn là biểu tượng thực vật ở Trung Đông.

Nhiều sa mạc, cao nguyên khô cằn nhưng Trung Đông được bù lại là khu vực tập trung dầu mỏ nhiều nhất thế giới, chiếm tới 41% trữ lượng dầu mỏ toàn cầu, trong đó Arập Xêút là quốc gia hàng đầu, mỏ Al-Gha-war trữ lượng 82 tỉ thùng. Trữ lượng dầu của Iran, CôOét mỗi nước khoảng 100 tỉ thùng. Thế giới có 18 nước xuất khẩu lượng dầu chiếm 82 % lượng dầu toàn thế giới thì Trung Đông đã chiếm tới 6 nước³. Trung Đông còn là nơi nhiều khoáng sản như sắt, đồng ở Iran, Libi, Xi Ri, Thổ Nhĩ Kỳ, crôm (Thổ Nhĩ Kỳ), phốtpho (Ai Cập, Gioocđani, Ixraen, Xi Ri), muối mỏ (Yêmen). Ngoài ra, nông nghiệp cũng là ngành kinh tế quan trọng của Trung Đông. Sản phẩm nông nghiệp bao gồm lúa mạch, ngô, kê, lúa... Cây ăn quả gồm cam, nho, ôliu... Cây công nghiệp gồm bông, thuốc lá, cà phê. Công nghiệp chế biến nông sản, chế biến dầu mỏ gia tăng. Vận tải truyền thống chiếm ưu thế: lạc đà, la, xe súc vật kéo chiếm ưu thế. Vận tải đường biển liên lục địa vô cùng quan trọng nối ba châu lục. Hệ thống giao thông đường sắt kém phát triển, chỉ có ở

Iran, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ. Thương mại của các nước trong khu vực chủ yếu xuất khẩu dầu mỏ, chiếm 90 % tổng giá trị xuất khẩu của 8 nước Trung Đông (Bênanh, Irac, Iran, CôOét, Ôman, Cata, Arập Xêút và các Tiểu vương quốc Arập thống nhất. Ngoài ra, xuất khẩu mặt hàng kim cương đánh bóng chiếm 20% giá trị xuất khẩu của các nước trong khu vực. Các nước Trung Đông nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp và nông nghiệp. Đối tác trao đổi chủ yếu là với các nước ngoài khu vực.

Như trên đã nói, ở Trung Đông có nhiều tộc người là con cháu của hai Đại chủng Mônggôlôit (Đại chủng da vàng) và Ôrôpôit (Đại chủng da trắng). Các tộc người Xume, người Thổ (Thổ Nhĩ Kỳ), người Arập, người Do Thái, người Nilote, Nubia, người Cuốc... là hậu duệ của đại chủng Mônggôlôit (da vàng), trong đó người Do Thái và người Arập thuộc nhóm Xume. Về góc độ dân tộc học, người Arập và người Do Thái xưa kia là anh em, có nguồn gốc với nhau, vậy mà suốt hơn 5 thập kỷ qua họ cứ chiến tranh xung đột với nhau, gây bao nhiêu chết chóc đau thương cho nòi giống. Đó là một điều kỳ lạ của chính trị. Người Ba Tư ở Iran là hậu duệ của người Iria thuộc Đại chủng Ôrôpôit (da trắng)⁴. Ngôn ngữ chủ yếu của Trung Đông là tiếng Arập, tiếng Iran và tiếng Thổ (Thổ Nhĩ Kỳ). Ngoài ra còn có nhiều ngôn ngữ của nhiều tộc người trong khu vực. Trung Đông là nơi ra đời nhiều tôn giáo lớn mang tầm cỡ thế giới. Thời cổ đại, hầu hết các quốc gia trong khu vực đều thờ đa thần giáo, mang dấu vết của tôn giáo nguyên thủy: Tô-tem giáo, Bái vật giáo như thờ các thần núi, thần sông, thần mặt trời. Khi lập nước, người Do Thái sáng lập ra tôn giáo riêng cho mình là đạo Do Thái. Kinh cầu nguyện của đạo Do Thái cơ bản



là ca ngợi Thượng Đế, tức là đức Chúa Trời mà đạo Do Thái tôn thờ. Chúa Trời khuyên con người làm điều lương thiện. Trong gia đình đạo Do Thái công nhận sự bình đẳng giữa vợ và chồng. Vào thời thống trị của đế quốc La Mã ở vùng đất Palestin-Do Thái, một người Do Thái ở ngoại vi Jêrusalem là Jêsu Crít đã sáng lập ra đạo Thiên Chúa. Ông vẫn tôn thờ đức Chúa Trời trong đạo Do Thái là đức Chúa Cha, còn ông chỉ là Đức Chúa Con mà thôi. Ông tuyên bố xã hội loài người là bình đẳng, không có nô lệ, không có chủ nô. Cuộc sống thân xác của con người ở trái đất chỉ là tạm thời, cuộc sống của con người trên Thiên đường mới là vĩnh viễn. Chỉ có những người làm điều thiện, không phạm tội ác linh hồn mới được lên thiên đường, ngược lại linh hồn kẻ tội đồ sẽ xuống địa ngục. Jêsu Crít đã phủ định xã hội có giai cấp, phủ định sự bất bình đẳng trong xã hội và như vậy ông đã ngang nhiên phủ định đế quốc La Mã đương thời. Bị bế tắc và đau khổ trong cuộc sống hiện thực dưới sự thống trị tàn bạo của đế quốc La Mã, Thiên chúa giáo của Jêsu Crít như ánh sáng rực rỡ dẫn dắt con người khỏi kiếp khổ đau trần thế để lên thiên đường, họ đã được giải phóng về mặt tư tưởng. Vì thế, rất nhanh chóng tín đồ Thiên chúa giáo đã lên đến hàng vạn người. Đế quốc La Mã và tầng lớp đạo Do Thái run sợ vì Thiên chúa giáo đe dọa nền thống trị của đế quốc, hơn nữa theo học thuyết của đạo này, những kẻ thống trị tàn bạo như chúng sẽ phải xuống địa ngục khi sang thế giới bên kia. Đế quốc La Mã đàn áp tín đồ, bắt giết Jêsu và đóng đinh ông lên cây thánh giá⁵. Năm Jêsu Crít bị hành hình ông mới 29 tuổi vào thế kỷ I sau công nguyên. Cái chết bi thảm của Chúa Jêsu không ngăn cản được nhân dân lao động

và nô lệ đi theo đạo này như làn sóng. Từ đất Palestin-Do Thái đạo Thiên chúa vượt qua Địa Trung Hải xâm nhập vào Tây đế quốc La Mã ở Nam Âu và Tây Âu với hàng chục vạn tín đồ. Các Hoàng đế La Mã, tiêu biểu là Nêrông bạo chúa đã đàn áp tín đồ của đạo này một cách tàn bạo. Cuối cùng, năm 314 La Mã phải công nhận Thiên chúa giáo là tôn giáo quốc gia. Ngày nay, Thiên chúa giáo là một tôn giáo lớn nhất thế giới với hơn 1 tỉ tín đồ. Trung Đông còn là quê hương của tôn giáo lớn hàng thứ ba thế giới: Hồi giáo. Trong công trình "*Trung Đông thời kỳ Trung đại*" chúng tôi sẽ nêu lên lịch sử về tôn giáo này. Vì tôn giáo này ra đời vào thế kỷ thứ VII, thời kỳ phong kiến Trung Đông. Chỉ biết rằng ngày nay hầu hết các nước trong khu vực đều theo Hồi giáo, được tôn làm quốc giáo ở nhiều quốc gia. Hiện tại, Hồi giáo có khoảng 700 triệu tín đồ trên toàn thế giới, Trung Đông chỉ chiếm 1/4 trong số đó.

Như vậy, Trung Đông là quê hương của nhiều tôn giáo lớn ngay từ thời cổ đại. Trong lịch sử, tôn giáo cũng như các hiện tượng khác ra đời đều phải có những nguyên nhân, tiền đề và nhu cầu đòi hỏi bức xúc của đời sống, của thời đại. Khi bàn về vấn đề này, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác- Lênin luận chứng rằng tôn giáo ra đời là do nhận thức thấp kém của con người đối với các hiện tượng huyền bí của tự nhiên và xã hội. Đó là bão lũ, động đất, sóng thần... Con người không thể giải thích một cách khoa học các hiện tượng đó nên cho đó là sức mạnh của thánh thần. Trong xã hội có những giai tầng ở vào địa vị áp bức bóc lột, thừa mứa của cải, sung sướng, trong khi đó có những giai tầng bị áp bức bóc lột nghèo nàn lầm than khổ cực. Họ không hiểu được vì sao vua chúa



và bọn quý tộc lại có sức mạnh phi thường có thể buộc muôn triệu người phải theo ý chúng, chúng có thể sung sướng phê phán trên xương máu, mồ hôi, nước mắt của nhân dân nước mình và nhân dân các dân tộc khác. Họ đành phải qui cho số phận, còn giai cấp thống trị, vua chúa được họ cho rằng đó là sức mạnh của thần thánh. Bị bế tắc và đau khổ ở cuộc sống hiện thực nơi trần thế, tôn giáo cho lớp người nghèo khổ những thiên đường của linh hồn và như vậy đã giải phóng họ về mặt tư tưởng. Với ảo tưởng đó họ sống an phận thủ thường với cuộc sống hiện thực. Các Mác nói tôn giáo là thuốc phiện của quần chúng nhân dân chính là nói lên sự phủ định cuộc sống hiện thực của tôn giáo, thủ tiêu đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc. Đạo Do Thái và tiếp sau là Thiên chúa giáo ra đời ở Trung Đông chính là do nhu cầu giải phóng về tư tưởng cho con người khỏi sự thống trị tàn bạo của những thế lực cầm quyền, đặc biệt dưới thời đế quốc La Mã.

Trung Đông có một nền văn hoá lâu đời từ cổ xưa, những nền văn hoá hình thành hàng chục vạn năm trong thời kỳ xã hội nguyên thuỷ là miếng đất màu mỡ cho sự nối tiếp ra đời của nền văn minh cổ đại Ai Cập, Lưỡng Hà-Babilon, văn hoá Ba Tư-Iran, văn hoá Đông La Mã Bizantium. Cuộc Đông chinh của Hoàng đế Maxêdônia Alêchxandơ vào thế kỷ IV TCN đã du nhập văn hoá Hi Lạp vào Trung Đông. Các nhà nghiên cứu gọi đây là thời kỳ Hi Lạp hoá nền văn hoá phương Đông. Thực ra đó chỉ là sự giao thoa ảnh hưởng lẫn nhau giữa hai nền văn hoá Đông-Tây, không Hi Lạp hoá toàn bộ mà chỉ là sự tiếp nhận những tinh hoa của văn hoá Hi-La, làm giàu thêm kho tàng tri thức văn hoá phương Đông mà vẫn giữ được bản sắc dân tộc. Tất cả những nhân

tố đó được nhân dân Trung Đông tiếp nhận và bằng lao động sáng tạo lâu đời của mình đã tạo nên những nền văn hoá đặc sắc thời kỳ cổ đại nổi tiếng với những giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể, những giá trị văn hoá xã hội rực rỡ, đạt đến trình độ văn minh thời kỳ cổ đại. Trên cơ sở những truyền thống văn hoá thời kỳ cổ đại, nhân dân Trung Đông đã kế thừa tạo nên một nền văn hoá thời kỳ Trung đại: Văn hoá Hồi giáo. Văn hoá Hồi giáo thời Trung đại ảnh hưởng mạnh mẽ đến Nam Âu, Bắc Phi, Trung Á, Ấn Độ, Đông Nam Á. Văn hoá Hồi giáo đã phát triển thành một trong những nền văn minh rực rỡ của thế giới cận- hiện đại mà Trung Đông là trung tâm.

II. LỊCH SỬ CÁC QUỐC GIA, CÁC NHÀ NƯỚC Ở TRUNG ĐÔNG

Cũng như các dân tộc khác trên thế giới, trang lịch sử đầu tiên của các dân tộc Trung Đông là xã hội cộng sản nguyên thuỷ, một xã hội mà tất cả các dân tộc trên trái đất đều phải trải qua. Các nhà nghiên cứu gọi đây là thời kỳ tiền sử (Lịch sử đầu tiên). Trung Đông cũng là một trong những cái nôi của nhân loại, là quê hương của loài người, nói rõ hơn nơi đây có dấu vết của việc vượn tiến hoá thành người. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu vết người cổ đại ở Ybediya trên bờ sông Gioócđan. Di vật này cách ngày nay khoảng 800.000 năm. Theo một chu trình tiến hoá thông thường thì Vượn tiến hoá thành Vượn người, Vượn người tiến hoá thành Người vượn, Người vượn tiến hoá thành Người tinh khôn (Nêăngđectan) và cuối cùng Người tinh khôn tiến hoá thành Người hiện đại (Hômô sapiêng). Với Hômô sapiêng thì việc tiến hoá từ Vượn lên Người đã hoàn thành, con người đã hoàn thiện như con người ngày nay. Trên thế



giới châu Âu, châu Á, châu Đại Dương (châu Úc), châu Phi được coi là những cái nôi của loài người, hiển nhiên sẽ có nhiều ông tổ Hô-mô-sapiêng khác nhau để sinh ra các đại chủng khác nhau và từ đó sinh ra những giống người khác nhau trên thế giới. Theo các nhà dân tộc học thì trên thế giới ngày nay có ít nhất là 4 đại chủng (chủng tộc): chủng tộc Ô-rô-pô-ít, thủy tổ của người da trắng châu Âu, chủng tộc Mông-gô-lô-ít, thủy tổ của giống người da vàng châu Á và người da đỏ châu Mỹ, chủng tộc Ô-x-tral-ô-ít thủy tổ của người bản địa ở châu Đại Dương, chủng tộc Nê-grô-ít thủy tổ của người da đen ở Nam Phi (vùng từ Nam đường xích đạo- sa mạc Xahara trở xuống mũi Hảo vọng). Từ đại chủng, các nhà nhân chủng học, dân tộc học lại chia ra thành các tiểu chủng khác nhau, từ tiểu chủng lại chia ra thành nhiều loại hình nhân chủng. Bức tranh trên của các nhà nhân chủng học và dân tộc học cho chúng ta biết được vì sao trên trái đất tồn tại nhiều giống người khác nhau. Hiện nay, trên thế giới có khoảng trên 7000 tộc người⁶ nói khoảng 6000 ngôn ngữ. Đại chủng, tiểu chủng, loại hình nhân chủng là những nhóm người có những đặc điểm hình thái bên ngoài giống nhau, những đặc điểm hình thái bên ngoài này mang tính chất di truyền bền vững. Khoảng từ 100.000 năm đến 40.000 năm TCN, người Hô-mô-sapiêng đã có mặt ở Trung Đông. Cộng đồng đầu tiên của người nguyên thủy sống thành từng bầy, với công cụ đồ đá thô sơ chưa được chế tác, đời sống hết sức thấp kém. Khoảng 18000 năm đến 9000 năm TCN, người Trung Đông tiến lên giai đoạn cộng đồng người Thị tộc. Thị tộc là cộng đồng người có chung một huyết thống với nhau. Với cộng đồng Thị tộc, người Trung Đông thực sự bước vào xã hội

loài người với tổng hoà các mối quan hệ như Các Mác đã luận chứng. Thị tộc đầu tiên là Thị tộc Mẫu hệ, còn gọi là Thị tộc Mẫu quyền vì đàn bà nắm quyền điều hành thị tộc, vì phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế hái lượm thấp kém. Chế độ hôn nhân là ngoại tộc hôn theo hình thức quần hôn nên con không biết mặt cha, phải lấy họ của thị tộc mẹ (Mẫu hệ)⁷. Công cụ thời kỳ Thị tộc Mẫu quyền, chủ yếu bằng đồ đá giữa, tức là đá được chế tác qua loa để sử dụng có hiệu quả hơn so với đá cũ. Thời kỳ Thị tộc Mẫu quyền, người nguyên thủy Trung Đông đã có phong tục tập quán, có văn hóa, có tôn giáo sơ khai là Tô-tem giáo và Bái vật giáo⁸. Ngoài cộng đồng Thị tộc, lúc này ở Trung Đông đã xuất hiện cộng đồng Bộ lạc, một cộng đồng người rộng lớn hơn vì Bộ lạc là sự liên minh giữa hai hay nhiều Thị tộc gần gũi nhau. Thị tộc do Từ trưởng đứng đầu. Khoảng 9000 năm TCN đến 4000 năm TCN. Công cụ lao động của cư dân nguyên thủy Trung Đông bắt đầu thay đổi, vì tham vọng của con người trong lao động sản xuất là muốn nâng cao năng suất lao động, nhân tố đầu tiên là phải liên tục cải tiến công cụ sản xuất. Cư dân Trung Đông trong thời gian này đã sử dụng đồ đá mới (đồ đá được chế tác tinh xảo). Đặc biệt, người ta đã tìm thấy đồng và chế tác thành công cụ sản xuất đồ đồng và sau này là công cụ đồng thau, cứng hơn đồng nguyên chất. Cung tên đã xuất hiện, một công cụ quan trọng mà F. Ăng ghen gọi là súng của thời kỳ nguyên thủy. Cung tên và công cụ kim loại xuất hiện đã làm Trung Đông diễn ra những cuộc cách mạng trong kinh tế và trong phân công lao động. Xuất hiện những ngành nghề mới mà trước kia chưa từng có: nghề săn bắn, nghề chăn nuôi, nghề trồng trọt hoa quả



và lương thực, nghề đánh cá, nghề thủ công nghiệp để chế tạo vật dụng trong gia đình, chế tạo công cụ sản xuất, chế tạo vũ khí... Tất cả những ngành nghề mới đó buộc dần ông phải đóng vai trò chính trong sản xuất vì tính chất nặng nhọc của nó, từ đó dần ông nắm vai trò điều hành Thị tộc. Chế độ Thị tộc Mẫu quyền chuyển sang chế độ Thị tộc Phụ quyền. Xuất hiện gia đình nhiều vợ nhiều chồng và do đó con phải lấy tên họ của thị tộc cha (phụ hệ), mở đầu cho trang lịch sử gia đình con phải khai theo họ cha từ đó. Trong giai đoạn Thị tộc Phụ quyền, xã hội nguyên thủy tiếp tục phát triển về kinh tế, văn hoá, phong tục tập quán và tôn giáo. Ngoài cộng đồng Thị tộc, Bộ lạc, xuất hiện thêm cộng đồng liên minh bộ lạc. Liên minh bộ lạc là sự Liên minh giữa nhiều Bộ lạc gần gũi nhau để tạo thêm sức mạnh, thuận lợi cho tồn tại, phát triển. Đứng đầu Thị tộc là Tộc trưởng, đứng đầu Bộ lạc là Tù trưởng do các thành viên bộ lạc bầu lên, đứng đầu Liên minh Bộ lạc là Hội đồng Liên minh bộ lạc bao gồm các Tù trưởng Bộ lạc. Ngoài ra còn có Thủ lĩnh quân sự chỉ huy dân binh của Liên minh Bộ lạc. Một trong những tập quán của xã hội nguyên thủy Trung Đông là tồn tại truyền thống dân chủ và sự công bằng nguyên thủy. Chiến tranh và xung đột đã là vấn đề thường xuyên trong một xã hội đầy biến động vì xã hội nguyên thủy đang đến hồi cáo chung của nó.

Những cuộc cách mạng trong kinh tế đã làm cho kinh tế cuối thời phụ quyền phát triển vượt bậc, lao động tăng năng suất mang lại sản phẩm dư thừa, tạo khả năng không cần lao động tập thể, lao động cá thể của số ít người vẫn đem lại năng suất lao động cao. Gia đình một vợ một chồng xuất hiện không đơn thuần chỉ giải quyết

vấn đề kinh tế mà còn nhiều vấn đề thân nhân khác. Gia đình một vợ một chồng xuất hiện thì ngay sau nó xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, kéo theo sự phân cực giàu nghèo, xã hội phân hoá thành giai cấp: giai cấp chủ nô giàu có. Giai cấp này phần lớn xuất thân từ “quan chức” thời kỳ nguyên thủy như Tộc trưởng, Tù trưởng, Thủ lĩnh Liên minh Bộ lạc, Thủ lĩnh quân sự. Sẵn có “quyền lực” họ đã chiếm đoạt được nhiều ruộng đất, nhiều của cải và trở nên giàu có. Sẵn có lực lượng dân binh họ đã tiến hành chiến tranh với các bộ lạc khác, cướp đoạt ruộng đất của những bộ lạc bại trận, biến những bộ lạc bại trận thành nô lệ. Phần lớn cư dân xưa từng có huyết thống với chủ nô trở thành những nông dân nghèo khổ. Vậy là công xã nguyên thủy Trung Đông sau mấy chục vạn năm tồn tại đã tan rã vào khoảng 3- 4 nghìn năm TCN. Nó được thay thế bằng xã hội chiếm hữu nô lệ, xã hội có giai cấp và nhà nước, có pháp luật. Đó là bước tiến hoá nhảy vọt to lớn trong tiến trình lịch sử của Trung Đông. Trung Đông từ xã hội “dã man” theo cách nói của F. Ăngghen bước sang thời đại văn minh, thời đại hình thành những quốc gia và nhà nước.

Bức tranh xã hội chiếm hữu nô lệ Trung Đông đa dạng và phong phú. Về cơ bản xã hội dựa trên một nền kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, kết hợp với sự phát triển thủ công nghiệp truyền thống và thương mại. Tuy nhiên, kinh tế Trung Đông thời cổ đại hoàn toàn không phải là nền kinh tế công thương nghiệp, không phải là một nền kinh tế hàng hoá thị trường như là kinh tế của Hi Lạp, La Mã cổ đại bên bờ bắc Địa Trung Hải. Giai cấp chủ nô Trung Đông là giai cấp thống trị về chính trị, áp bức về tinh thần tư tưởng, bóc lột về kinh tế đối với nông dân và nô



lệ. Nông dân là giai cấp đông đảo nhất, là lực lượng chính sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội vì Trung Đông chủ yếu là một nền kinh tế nông nghiệp. Vì thế, nông dân là đối tượng bóc lột của nhà nước, của giai cấp chủ nô. Nông dân còn phải đi lính, con em của họ phải bỏ mình trong các cuộc chiến tranh do nhà nước tiến hành để xâm lược mở rộng đất đai và cướp bóc. Nông dân còn phải gánh vác công việc lao dịch, đi phu phen tạp dịch cho nhà nước, đào sông ngòi, xây thành đắp lũy, lăng mộ đền đài, những công trình kỳ vĩ như Kim tự tháp Ai Cập, vườn treo Babilon. Nhìn chung, người nông dân phương Đông nói chung và Trung Đông nói riêng bị áp bức bóc lột không khác gì nô lệ, cho nên khi đánh giá chế độ nô lệ phương Đông, Các Mác gọi nông dân là những “nô lệ phổ biến”. Giai cấp thứ 3 trong xã hội cổ đại Trung Đông là những người nô lệ. Nguồn gốc của nô lệ là những bộ lạc bại trận trong chiến tranh, tài sản ruộng đất bị bọn chủ nô chiến thắng cướp đoạt, còn bản thân bị biến thành nô lệ. Nô lệ Trung Đông mang tính chất chung của nô lệ thế giới: nô lệ không được làm người, phải lao động khổ sai và không được hưởng thành quả lao động của mình. Nhưng xã hội nô lệ Trung Đông mang đặc điểm riêng của chế độ nô lệ phương Đông, đó là chế độ nô lệ “không điển hình”, là chế độ “nô lệ gia đình”, “gia trưởng” như Các Mác đã luận chứng khi ông viết về chế độ nô lệ Ấn Độ.

Quá trình hình thành xã hội chiếm hữu nô lệ cũng là quá trình Trung Đông hình thành những quốc gia, hình thành những nhà nước, hình thành bộ máy quyền lực, công cụ phục vụ giai cấp chủ nô. Ra đời sớm nhất là quốc gia cổ đại Ai Cập. Những trang lịch sử đầu tiên của quốc gia này được ghi nhận từ 3000 năm TCN. Từ 3000 năm TCN đến 2300 năm TCN là thời kỳ

Cổ vương quốc, tức là thời kỳ hình thành quốc gia và nhà nước, từ năm 2200 TCN đến năm 1570 TCN là thời kỳ Trung vương quốc, là thời kỳ phát triển của quốc gia và xã hội chiếm hữu nô lệ. Từ năm 1570 TCN đến thế kỷ X TCN là thời kỳ Tân vương quốc, thời kỳ phát triển rực rỡ của chế độ. Tổng cộng, nhà nước cổ đại Ai Cập trải qua 18 triều vua, tồn tại gần 2000 năm. Trong suốt thời gian tồn tại, nhà nước Ai Cập đã tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược, vương quốc đã có một lãnh thổ rộng lớn, phía bắc giáp Tây Á, phía nam đến Nubia, từ Nam lên Bắc của vương quốc có đường chim bay khoảng 3200km.

Từ thế kỷ X TCN, vương quốc cổ đại Ai Cập suy yếu, lâm vào những cuộc nội chiến tranh giành quyền lực và bị ngoại bang xâm lược. Năm 30 TCN Ai Cập bị La Mã xâm lược và thống trị.

Đầu thiên niên kỷ thứ III TCN, ở lưu vực hai con sông Tigro và Ofrat hình thành những quốc gia và những nhà nước của người Xume, ban đầu ra đời những quốc gia nhỏ, lớn hơn cả là vương quốc Ua, Êđu, Lagát, Urúc, Nipopua. Thế kỷ 23 TCN các vương quốc nhỏ thống nhất thành một quốc gia rộng lớn bao gồm Xiri, Iran và các quốc gia nam Địa Trung Hải gọi chung là Lưỡng Hà mà trung tâm là Irắc. Từ đó cho đến thế kỷ XIX TCN người Xume, người Áccát, người Guti thay nhau thống trị Lưỡng Hà. Năm 1894 TCN Lưỡng Hà bị Babilon, quốc gia của người Amôritê chinh phục. Từ đó cho đến thế kỷ IX TCN, lịch sử Lưỡng Hà gắn với lịch sử cổ Babilon. Babilon phát triển rực rỡ nhất dưới thời vua Hăm-mu-rabi (1792- 1750 TCN). Hăm-mu-rabi đã xây dựng bộ luật mang tên ông nổi tiếng thời kỳ cổ đại⁸.



Khoảng 2000 năm TCN, quốc gia của người Hitítơ ra đời có lãnh thổ từ lưu vực sông Halít và phía nam giáp Babilon, Xiri. Vào thế kỷ XI TCN, người Do Thái (Hebre) đã lập quốc gia ở vùng đất Palestin- Do thái. Dưới triều đại Đavít, quốc gia này tiếp tục thống nhất và phát triển với kinh đô Jérusalem trên đồi Sion. Quốc gia này phát triển cực thịnh dưới triều đại Salômông. Từ sau thế kỷ X TCN, quốc gia Do Thái- Palestin suy yếu, bị nhiều thế lực bên ngoài xâm lược và cuối cùng bị rơi vào tay đế quốc La Mã.

Thế kỷ XIII TCN ra đời quốc gia của người Uratu. Quốc gia này phát triển cực thịnh vào thế kỷ VIII TCN Uratu bị người Mêdi xâm lược vào năm 613 TCN.

Sự hưng khởi và huy hoàng của Trung Đông cổ đại là sự ra đời và phát triển của đế quốc Ba Tư của tộc người Mêdi và người Iran. Phát tích từ thế kỷ VI TCN và thế kỷ IV TCN, Ba Tư trở thành một đế quốc rộng lớn bao trùm khắp Trung Đông dưới thời Đariút I. Đế quốc Ba Tư bị Hoàng đế Alêxandơ (Maxêdônia) tiêu diệt năm 330 TCN⁹. Thế kỷ III TCN là sự trỗi dậy của đế quốc Atxiri. Quốc gia này phát triển thành một đế quốc rộng lớn nhất thời kỳ cổ đại Trung Đông. Lãnh thổ của nó bao gồm nhiều trung tâm văn hoá rực rỡ như Lưỡng Hà, Iran, Xiri, Palestin, Tiểu Á, Ai Cập trong một quốc gia thống nhất, với một quân đội hùng mạnh và thiện chiến. Năm 609 TCN đế quốc Atxiri diệt vong.

Dù chi tiết có khác nhau, nhưng nhìn chung thiết chế chính trị của các nhà nước Trung Đông cổ đại là *nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền* của giai cấp chủ nô. Đứng đầu nhà nước là vua. Vua nắm tất cả những quyền lực cơ bản của nhà nước: quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp,

quyền tổng chỉ huy quân đội. Vua nắm quyền sở hữu tối cao ruộng đất trong toàn quốc, vua còn là chủ nô lớn nhất, chiếm nhiều ruộng đất nhất, như vua Lưỡng Hà chiếm hầu hết ruộng đất ở miền nam Xume. Nhà vua còn được thần thánh hoá. Vua là đại diện cho thần thánh xuống để cai trị nhân dân. Vương quyền kết hợp với thần quyền làm cho vua các nước Trung Đông có một thứ uy quyền thiêng liêng ghê gớm. Vua ở Ai Cập được gọi là Pharaông (Nhà lớn). Kẻ bề tôi ở Ai Cập được hôn miếng đất nơi vua vừa đặt chân tới cũng đã là vinh dự cho người đó suốt đời. Các vua Ai Cập còn quan niệm rằng mộ càng cao lớn thì sự nghiệp càng bất tử, cho nên họ ra sức xây dựng Kim tự tháp (có nghĩa là cao chót vót). Những Kim tự tháp hùng vĩ đồ sộ ở miền hạ Ai Cập đây huyền bí thực ra là những mộ táng các Pharaông¹⁰. Giúp việc cho nhà vua có nhiều đại thần ở Trung ương, như ở Ai Cập có một vị đại thần cao nhất gọi là Vizia (gần như Tể tướng). Ở Lưỡng Hà, ngoài các đại thần còn có một Nguyên soái giúp vua về quân sự, một Hội đồng thẩm phán giúp vua về tư pháp. Tuy nhiên, vua Lưỡng Hà vẫn là thẩm phán tối cao. Các quốc gia và đế quốc Trung Đông đều chú ý xây dựng quân đội hùng mạnh làm công cụ xâm lược, trấn áp nhân dân và nô lệ. Tầng lớp trí thức, tầng lũ ra sức ca tụng, thần thánh hoá nhà vua, giúp vua định ra pháp luật cai trị, sáng tác văn hoá nghệ thuật phục vụ cho cuộc sống tinh thần của cung đình và quý tộc. Các nhà nước và các đế quốc phân chia quốc gia ra làm nhiều khu vực hành chính để cai trị, thực thi quyền lực. Đơn vị hành chính lớn nhất của Ai Cập là châu, đứng đầu là Châu trưởng, đơn vị hành chính lớn nhất Lưỡng Hà là vùng đứng đầu là Tổng đốc. Các quan cai trị châu hay vùng đều do triều đình trung



ương bổ nhiệm. Đơn vị hành chính thấp nhất của các quốc gia cổ đại Trung Đông là công xã nông thôn do công xã thị tộc thời nguyên thủy chuyển hoá thành. Công xã nông thôn gồm nhiều làng, tồn tại nhiều ruộng đất công được chia cho thành viên công xã làm nhà ở và cày cấy. Công xã có nền kinh tế đóng kín, kinh tế tự túc tự cấp, còn gọi là kinh tế tự nhiên. Với cấu trúc như vậy, công xã ở Trung Đông nói riêng và ở phương Đông cổ đại nói chung mang tính chất tự trị rất cao về luật pháp, về quyền tự quyết định những công việc của làng xã, tự bầu lấy Hội đồng chức dịch và những người đứng đầu công xã. Lệ làng thường được thực thi nhiều hơn và hiệu lực hơn pháp luật nhà nước. Trước tình hình đó, các nhà nước cổ đại Trung Đông dù chuyên chế vẫn phải tìm cách dung hoà với nền tự trị "dân chủ" của công xã, ít khi can thiệp vào đời sống của cộng đồng, chỉ cần công xã nộp thuế, đi lao dịch, đi lính đầy đủ, trung thành với nhà nước. Nhà nước đã biến công xã thành một tế bào vững chắc của chế độ chuyên chế với tất cả những tính chất bảo thủ và trì trệ của nó. Các Mác khi nghiên cứu về công xã nông thôn ở Ấn Độ đã viết rằng nó (công xã) lơ lửng ra dưới bầu trời mây mưa sấm sét của chính trị¹¹. Tình hình đó cũng đúng với công xã nông thôn phương Đông và Trung Đông.

III. MỘT VÀI KẾT LUẬN

Trung Đông là khu vực quan trọng về chiến lược vì tiếp giáp với 3 châu lục lớn trên thế giới. Hoàng đế Pháp Napôlêông I nhận định rằng ai kiểm soát được Constantinôp người đó cai trị được thế giới. Trung Đông còn là khu vực giàu có, nhất là nguồn dầu lửa, máu của các ngành công nghiệp và các phương tiện hiện đại. Cuối thế kỷ XIX khi Đêiêzen phát minh ra động cơ đốt trong, chính ông cũng không

ngờ đã đem lại sự giàu có cho Trung Đông vào thời hiện đại. Nhưng vào thời cổ đại, Trung Đông chủ yếu là kinh tế nông nghiệp, kết hợp với thủ công nghiệp, chăn nuôi, buôn bán. Trung Đông là một trong những cái nôi của nhân loại và trải qua thời kỳ nguyên thủy lâu dài. Khoảng 4.000 năm TCN người Trung Đông phát minh ra cung tên, công cụ sản xuất bằng kim loại. Công cụ mới làm tăng năng suất lao động. Sản phẩm lao động dư thừa làm xuất hiện gia đình một vợ một chồng. Chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất thay thế cho chế độ công hữu thời công xã nguyên thủy, giai cấp và các quốc gia, các nhà nước ra đời, một hình thái kinh tế xã hội mới thay thế cho xã hội cộng sản nguyên thủy đã tan rã.

Như vậy, nguyên nhân làm cho các nhà nước, các quốc gia cổ đại Trung Đông ra đời là do công xã nguyên thủy tan rã, do mâu thuẫn giai cấp trong xã hội chiếm hữu nô lệ. Đa số nông dân và nô lệ xung đột với chủ nô. Chủ nô liên phát minh ra nhà nước làm công cụ để dù chỉ là thiểu số chúng vẫn thống trị, áp bức, bóc lột được đa số dân cư. Đó là sức mạnh huyền diệu của bộ máy nhà nước. Do đó, các nhà nước cổ đại Trung Đông mang bản chất giai cấp. Về vấn đề này Lênin viết trong cuốn "Nhà nước và cách mạng": nhà nước là công cụ của giai cấp này thống trị các giai cấp khác. Tuy nhiên, các nhà nước Trung Đông thời kỳ hưng thịnh của mình ngoài bản chất giai cấp còn mang tính chất xã hội, tức là trong khi phục vụ giai cấp mình nó buộc phải phục vụ các giai tầng khác trong xã hội. Các nhà nước Trung Đông dựa trên những tiền đề kinh tế và xã hội nhất định, kinh tế phải dư thừa để nuôi sống một bộ máy quyền lực công cộng ăn bám. Các nhà nước đã dựa trên sự bóc lột tàn khốc nông dân và nô lệ.



Quá độ từ công xã nguyên thủy sang hình thành nhà nước là sự chuyển biến từ công xã thị tộc sang công xã nông thôn, các Thủ lĩnh Liên minh bộ lạc, các Thủ trưởng, các Thủ lĩnh quân sự chuyển thành vua quan trong bộ máy nhà nước. Một số phong tục tập quán phù hợp với ý chí của giai cấp chủ nô được nâng lên thành những qui phạm pháp luật mượn bàn tay cưỡng chế của nhà nước buộc toàn dân phải tuân theo để thực hiện quyền lực của nhà nước. Biện pháp chủ yếu để hình thành quốc gia và nhà nước là chiến tranh, là bạo lực. Nhà nước cổ đại Trung Đông đã thể hiện rõ chức năng đối nội và đối ngoại của mình, đã hình thành rõ hai đặc trưng cơ bản là thống trị dân cư theo khu vực hành chính và hình thành nên bộ máy quyền lực công cộng. Nhà nước ra đời không chỉ là ý muốn của giai cấp thống trị chủ nô, nó ra đời còn để đáp ứng nhu cầu bức thiết của lịch sử Trung Đông, nhu cầu thống nhất quốc gia, nhu cầu trao đổi giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các tộc người, nhu cầu trị thủy các con sông lớn, nhu cầu chiến tranh chống xâm lược hay xâm lược. Với sự ra đời của các quốc gia và các nhà nước, các tộc người Trung Đông đã cố kết lại hình thành nên những cộng đồng mới cao hơn: Dân tộc quốc gia mà Các Mác gọi là các Dân tộc tiền tư bản. Đó là những bước tiến lớn lao trong lịch sử không chỉ để nhân dân Trung Đông sáng tạo ra những nền văn hoá rực rỡ thời cổ đại, mà còn tạo những nhân phát triển tố vững chắc cho giai đoạn sau, đưa lịch sử Trung Đông hoà vào lịch sử vinh quang của nhân loại.

Chú thích:

1 Theo kinh tuyến, người ta chia trái đất làm hai phương chính; Phương Đông bao gồm châu Á và châu Phi, Phương Tây bao gồm châu Âu và châu Mỹ. Đây là một khái niệm địa-chính trị, địa-lịch sử có tính chất tương đối.

² Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn, *Lịch sử Trung - Cận Đông*. NXB Giáo dục. H. 2004. tr, 18.

³ Danh từ Iran cũng từ danh từ Aria mà ra.

⁴ Cây thánh giá từ đó là biểu trưng bất diệt của Thiên chúa giáo.

⁵ Tộc người-dân tộc tộc người chỉ là một bộ phận của dân tộc quốc gia. Một dân tộc quốc gia bao gồm nhiều dân tộc tộc người.

⁶ Nghiêm cấm hôn nhân trong cùng Thị tộc vì cùng anh em, phải hôn nhân ngoài thị tộc theo hình thức hôn nhân tập thể.

⁷ Tôttem giáo: Thờ một cái gì đó cho là linh thiêng biểu tượng của Thị tộc mình. Bái vật giáo: Thờ bất cứ vật gì cũng linh thiêng vì con người cho là mọi vật đều có linh hồn.

⁸ Xem "Tạp chí nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông" số tháng 7 năm 2008. tr. 13-20.

⁹ Xem "Tạp chí nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông" số tháng 9 năm 2008.

¹⁰ Trong số đó đồ sộ nhất là Kim tự tháp Kê ốp, cao 148 m, sử dụng 2 triệu phiến đá không cần vôi vữa, chỉ chồng khít lên nhau, những phiến trên cùng nặng 2,5 tấn, những phiến dưới cùng nặng 7 tấn, xây dựng gần 30 năm trời, huy động mỗi đợt hàng vạn nô lệ và dân công xây dựng.

¹¹ Các Mác. Bàn về sự thống trị của Anh ở Ấn Độ. Các Mác. F. Ăng ghen. Toàn tập. tập 9. tiếng Nga.

Tài liệu tham khảo

1. Các Mác-F. Ăng ghen, *Toàn tập, Tập 9*. Tiếng Nga.

2. F. Ăng ghen, *Nguồn gốc của gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước*, NXB Sự thật, H. 1972.

3. Đại học Tổng hợp Hà Nội, Khoa lịch sử, *Giáo trình lịch sử thế giới cổ đại*, H. 1972.

4. Nguyễn thị Thư, Nguyễn Hồng Bích, Nguyễn Văn Sơn, *Lịch sử Trung- Cận Đông*, NXB Giáo dục, H. 2004.

5. *Bách khoa thư lịch sử thế giới*, NXB Văn hoá-Thông tin, H.2004.,

6. *Tạp chí nghiên cứu châu Phi và Trung Đông*, Số tháng 7, tháng 9 năm 2008.

